

Bản án số: 766/2018/HN-ST

Ngày: 13-6-2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Kiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 382/2016/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2016 về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2355/2018/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Tôn Thị P** – sinh năm 1963 (xin vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: 115/3 đường H, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 160/57/36/5Z3 đường N, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Thanh Long H** – sinh năm 1962 (vắng mặt).

Quốc tịch: Pháp.

Địa chỉ: 38 R L 24000 Perigueux, France.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2016 và ngày 18/8/2016, đơn giải trình đề ngày 14/6/2016, đơn tường trình đề ngày 18/8/2016, đơn tường trình đề ngày 10/02/2017, nguyên đơn bà Tôn Thị Phương T trình bày:

Vào tháng 6/2009, bà được gia đình bảo lãnh sang Pháp để thăm thân nhân, trong quá trình lưu trú tại Pháp bà quen biết với ông Thanh Long H, sau

thời gian tìm hiểu ông bà đã tiến đến kết hôn. Bà T cùng ông Thanh Long H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Tòa thị chính Périgueux (Cộng hòa Pháp) theo giấy chứng nhận kết hôn số 000065/2009 cấp ngày 29/8/2009. Tên người vợ trong giấy đăng ký kết hôn là Thi Phuong T Tôn, tên họ của bà Thảo bị đảo ngược và không bỏ dấu một số chữ theo ngôn ngữ Pháp (bà Thảo đã cam kết Thi Phuong T Tôn và Tôn Thị Phương T là cùng một người). Sau khi kết hôn và chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống; bản thân ông Thanh Long H không chịu về Việt Nam cùng bà. Cũng trong năm 2009, một mình bà trở về Việt Nam để chăm sóc cho con riêng còn nhỏ và mẹ già. Từ đó đến nay, ông bà không liên lạc với nhau. Nay, nhận thấy thời gian xa cách đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt bà Thảo khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Thanh Long H.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Thanh Long H: Trong quá trình giải quyết vụ án, thông qua thủ tục ủy thác tư pháp Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án đến cơ quan có thẩm quyền của Pháp, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời yêu cầu ông Thanh Long H có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Tôn Thị Phương T khởi kiện xin ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 283/UTTPDS-TA30 ngày 03/8/2017). Đến từng giai đoạn như đã thông báo gửi đương sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không nhận được ý kiến bằng văn bản của đương sự ở nước ngoài gửi về; Tòa án đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 4 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự và có công văn gửi Bộ Tư pháp thực hiện tiếp việc tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Thanh Long H (Công văn số 1065/TATP-TLĐ ngày 11/3/2018). Bộ Tư pháp có công văn số 921/CH-BTP ngày 12/4/2018 gửi Bộ Tư pháp Cộng hòa Pháp đề nghị cho biết kết quả thực hiện ủy thác tư pháp nhưng vẫn không có kết quả. Để đảm bảo việc xét xử sơ thẩm vụ án theo đúng hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Ở thời điểm hiện tại do cách biệt về

khoảng cách địa lý, vợ chồng không chung sống bên nhau và không còn liên lạc, trao đổi gì với nhau từ hơn hai năm nay cho thấy tình cảm vợ chồng phai nhạt khó còn khả năng đoàn tụ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giải quyết cho bà Tôn Thị Phương T được ly hôn với ông Thanh Long H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn, bản trích lục kết hôn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cùng lời trình bày của đương sự tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án về giải quyết ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông Thanh Long H có quốc tịch Pháp, hiện đang định cư tại Cộng hòa Pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Tôn Thị Phương T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Thanh Long H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến hạn định sau cùng Tòa án vẫn không nhận được ý kiến phản hồi của ông Thanh Long H và không có đơn xin giải quyết vắng mặt. Xét, yêu cầu của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong các đơn khởi kiện, đơn tường trình, đơn giải trình, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ đơn giải trình đề ngày 14/6/2016; ngày 18/8/2016, đơn tường trình ngày 10/02/2017 của nguyên đơn cùng giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 000065/2009 do Tòa thị chính Périgueux (Cộng hòa Pháp) cấp ngày 29/8/2009, khi trở về Việt Nam đương sự đã ghi chú số hộ tịch kết hôn số 60/TLGCKH ngày 01/6/2016 tại Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo thỏa thuận Pháp - Việt ngày 24/02/1999 có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa bà Tôn Thị Phương T với ông Thanh Long H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

[2.1] Theo trình bày của bà Tôn Thị Phương T thì sau khi kết hôn tại Cộng hòa Pháp vợ chồng bà sống chung với nhau một khoảng thời gian ngắn tại đây rồi bà trở về Việt Nam chăm lo cuộc sống gia đình riêng. Quá trình chung sống ông bà thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Thanh Long H không đáp ứng đúng nguyện vọng của vợ dẫn đến việc bà trở về Việt Nam sinh sống rồi cắt đứt mọi liên lạc với ông Thanh Long H. Đến nay đã hơn

08 năm vợ chồng không còn trao đổi, liên lạc với nhau qua thư từ, điện thoại hoặc tin nhắn điều này cho thấy sự yêu thương gắn kết giữa người vợ và người chồng không còn; khó có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

[2.2] Đối với bị đơn ông Thanh Long H hiện đang định cư tại Pháp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định yêu cầu ông Thanh Long H có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án về trường hợp xin ly hôn của nguyên đơn nhưng ông Thanh Long H không có ý kiến phản hồi, không rõ lý do.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại cuộc sống hôn nhân giữa bà Tôn Thị Phương T với ông Thanh Long H đã thật sự đổ vỡ, vợ chồng không còn quan tâm, gần gũi lẫn nhau; không có trách nhiệm chung trong một thời gian dài dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho bà Tôn Thị Phương T được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Thanh Long H như phát biểu đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; đồng thời bà Tôn Thị Phương T phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về lời khai của mình khi Tòa án giải quyết vụ án này.

Về con chung: Bà Tôn Thị Phương T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tôn Thị Phương T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tôn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 121, Điều 123 và Điều 127, khoản 2 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Thị Phương T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Thị Phương T được ly hôn với ông Thanh Long H.

Ghi chú sổ hộ tịch kết hôn số 60/TLGCKH ngày 01/6/2016 tại Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tôn Thị Phương T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0031171 ngày 23/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tôn Thị Phương T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; Bị đơn cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- TAND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND cấp cao (tại Tp.HCM) (1)
- VKSND Tp.HCM (1)
- Cục THADS Tp.HCM (1)
- UBND Quận 1, Tp.HCM (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang